

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH ĐẠI HỌC - DẠY NGHỀ**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022**

---

**Tháng 02 năm 2023**

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 26



## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Công Dũng	Chủ tịch (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Phạm Quỳnh	Chủ tịch (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Doãn Hữu Đoàn	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Bà Nguyễn Thị Hữu	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Đặng Trần Bảo Tín	Ủy viên (Bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Quang Dũng	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Trần Trọng Tiến	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Đặng Văn Tuyên	Ủy viên (Miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022)
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Phạm Gia Trí	Giám đốc
Ông Trần Trọng Tiến	Phó Giám đốc
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc
Ông Lê Quang Dũng	Kế toán trưởng

#### *Người đại diện pháp luật*

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Gia Trí - Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



The image shows a handwritten signature in blue ink over a red circular stamp. The stamp contains the following text: 'D.K.K.D: 0101517669 - C.T.C', 'CÔNG TY', 'CỔ PHẦN', 'SÁCH ĐẠI HỌC', 'DẠY NGHỀ', and 'Q. HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI'. There are also two blue lines extending from the signature area towards the right side of the page.

**Phạm Gia Trí**

**Giám đốc**

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023



Số: 037 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (“Công ty”), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2023, từ trang 05 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là “báo cáo tài chính”).

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)**

*Vấn đề khác*

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với báo cáo kiểm toán số 52/2022/BCKT-AAC đề ngày 07 tháng 02 năm 2022 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Chữ Mạnh Hoan**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1403-2023-156-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
*Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023*



**Vũ Mạnh Hùng**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 2737-2023-156-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>16.550.015.872</b>	<b>20.236.174.186</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>2.929.422.991</b>	<b>2.095.383.859</b>
1. Tiền	111		2.929.422.991	2.095.383.859
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>5.000.000.000</b>
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.210.223.394</b>	<b>4.668.884.176</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.455.348.624	4.209.738.945
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	500.000.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	70.593.151	256.232.712
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(315.718.381)	(297.087.481)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>7.409.254.488</b>	<b>8.410.069.151</b>
1. Hàng tồn kho	141		7.960.311.836	9.392.357.755
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(551.057.348)	(982.288.604)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.114.999</b>	<b>61.837.000</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.114.999	61.837.000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.520.441.934</b>	<b>1.182.278.040</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>65.072.000</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn khác	216	6	65.072.000	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>856.787.534</b>	<b>1.058.384.600</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	856.787.534	1.058.384.600
- Nguyên giá	222		1.315.932.400	1.315.932.400
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(459.144.866)	(257.547.800)
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>598.582.400</b>	<b>123.893.440</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	598.582.400	123.893.440
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>18.070.457.806</b>	<b>21.418.452.226</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.042.699.291</b>	<b>5.390.693.711</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>2.042.699.291</b>	<b>5.390.693.711</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	744.720.978	3.753.287.301
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	12	3.800.000	79.364.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	372.089.312	479.639.971
4. Phải trả người lao động	314		441.565.203	365.808.793
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	85.174.735	58.721.535
6. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		395.349.063	653.872.111
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>16.027.758.515</b>	<b>16.027.758.515</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>15</b>	<b>16.027.758.515</b>	<b>16.027.758.515</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.890.000.000	1.890.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		962.203.411	962.203.411
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		3.175.555.104	3.175.555.104
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.775.555.104	1.650.889.270
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		1.400.000.000	1.524.665.834
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>18.070.457.806</b>	<b>21.418.452.226</b>



Phạm Gia Trí  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Lê Quang Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	40.051.891.923	38.850.263.056
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		40.051.891.923	38.850.263.056
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	18	30.763.413.558	29.107.881.667
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		9.288.478.365	9.742.381.389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	115.951.742	147.288.084
7. Chi phí bán hàng	25	20	1.546.114.183	1.893.873.002
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	5.779.744.318	5.603.889.586
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)}	30		2.078.571.606	2.391.906.885
10. Thu nhập khác	31		113.769.261	94.052.266
11. Chi phí khác	32		142.879.332	99.606.600
12. Lỗ khác (40 = 31 - 32)	40		(29.110.071)	(5.554.334)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		2.049.461.535	2.386.352.551
14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	22	468.189.544	361.686.717
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		1.581.271.991	2.024.665.834
16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.400	1.525



Phạm Gia Trí  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

  
Lê Quang Dũng  
Kế toán trưởng

  
Lê Quang Dũng  
Người lập biểu

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
*(Theo phương pháp trực tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	40.045.008.479	39.527.319.347
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(32.062.213.426)	(36.693.290.006)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(3.849.726.500)	(4.494.505.800)
4. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(362.128.649)	(170.000.000)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	90.539.613	1.280.162.259
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1.722.386.647)	(1.530.825.463)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>2.139.092.870</b>	<b>(2.081.139.663)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	-	(1.209.582.400)
2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.000.000.000	5.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	94.946.262	153.194.934
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>94.946.262</b>	<b>(1.056.387.466)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(1.400.000.000)	(1.300.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(1.400.000.000)</b>	<b>(1.300.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>834.039.132</b>	<b>(4.437.527.129)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>2.095.383.859</b>	<b>6.532.910.988</b>
<b>Tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>2.929.422.991</b>	<b>2.095.383.859</b>



Phạm Gia Trí  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Lê Quang Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng  
Người lập biểu



## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

### **1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

#### **Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề (gọi tắt là “Công ty”) được thành lập theo Quyết định số 710/QĐ - TC ngày 11 tháng 6 năm 2004 của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam (nay là Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam). Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp) số 0101517669 ngày 28 tháng 7 năm 2004 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ khi thành lập đến nay, Công ty đã 5 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 05 ngày 27 tháng 6 năm 2018 của Công ty là 10.000.000.000 VND.

Công ty được chấp thuận niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán HEV. Ngày chính thức giao dịch của cổ phiếu là ngày 11 tháng 12 năm 2007.

Trụ sở chính của Công ty tại 25 Hàn Thuyên, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 23 người).

#### **Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là:

- Tổ chức biên tập, in và phát hành sách phục vụ giáo dục;
- Phát hành, báo, tạp chí bản đồ, tranh ảnh, đĩa CD và các ấn phẩm khác được Nhà nước lưu hành;
- Sản xuất, buôn bán các loại văn phòng phẩm, thiết bị dạy nghề.

#### **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

#### **Cấu trúc doanh nghiệp**

Đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Sách Đại học - Dạy nghề	462A/3, Trần Hưng Đạo - Phường 02 - Quận 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

### **2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

#### **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán**

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực Kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập báo cáo tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập theo cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Theo quy định tại Điều 28 Luật Kế toán số 88/2015/QH13, tài sản và công nợ được đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý tại thời điểm cuối năm. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, chưa có văn bản hướng dẫn trong việc áp dụng đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý; theo đó, Ban Giám đốc đã xem xét áp dụng như sau:

- a) Công cụ tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;
- b) Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán.

**Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

**Các khoản đầu tư tài chính**

***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào Chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Phí quản lý xuất bản, phí mua bản quyền ấn phẩm cho các loại sách được phân bổ căn cứ số lượng sách in nhập kho.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian hữu dụng ước tính (Năm)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả nhà cung cấp hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Vốn chủ sở hữu**

*Vốn góp của chủ sở hữu:* Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

*Thặng dư vốn cổ phần:* Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp là giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mỗi quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

*Danh sách các bên liên quan chủ yếu của Công ty bao gồm:*

**Các bên liên quan**

Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam  
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam  
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc  
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội  
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng  
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh  
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ  
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục  
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Truyền thông  
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long  
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội  
Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

**Mối quan hệ**

Chủ sở hữu  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Chung Công ty đầu tư  
Ban lãnh đạo Công ty



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	104.340.919	101.740.101
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	2.825.082.072	1.993.643.758
<b>Cộng</b>	<b><u>2.929.422.991</u></b>	<b><u>2.095.383.859</u></b>

**5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b><u>16.276.000</u></b>	<b><u>2.519.636.080</u></b>
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục	16.276.000	-
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	3.504.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	-	1.125.465.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	-	470.250.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	-	522.500.000
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	-	397.917.080
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b><u>1.439.072.624</u></b>	<b><u>1.690.102.865</u></b>
Công ty Cổ phần nghiên cứu, ứng dụng và thực nghiệm công nghệ	257.400.000	-
Công ty Cổ phần Tri thức văn hóa sách Việt Nam	225.200.225	146.561.140
Các đối tượng khác	956.472.399	1.543.541.725
<b>Cộng</b>	<b><u>1.455.348.624</u></b>	<b><u>4.209.738.945</u></b>

**6. PHẢI THU KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ	78.572.000	78.572.000
Lãi dự thu	57.093.151	36.087.671
Hồ Thị Bình	-	141.573.041
<b>Cộng</b>	<b><u>135.665.151</u></b>	<b><u>256.232.712</u></b>

**7. DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị có thể thu hồi</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Việt Thường - Nhà Sách Cảo Thơm	50.234.301	-	50.234.301	-
Sở GD - ĐT Bắc Kạn	45.446.334	-	45.446.334	-
Đối tượng khác	249.509.846	29.472.100	207.406.846	6.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>345.190.481</u></b>	<b><u>29.472.100</u></b>	<b><u>303.087.481</u></b>	<b><u>6.000.000</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**8. HÀNG TỒN KHO**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	322.642.770	-	64.609.757	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	-	19.992.000	-
Thành phẩm	6.738.301.139	(540.712.643)	8.171.674.601	(982.288.604)
Hàng hóa	899.367.927	(10.344.705)	1.136.081.397	-
<b>Cộng</b>	<b>7.960.311.836</b>	<b>(551.057.348)</b>	<b>9.392.357.755</b>	<b>(982.288.604)</b>

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.114.999</b>	<b>61.837.000</b>
Phí quản lý xuất bản	-	5.404.400
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	1.114.999	56.432.600
<b>b) Dài hạn</b>	<b>598.582.400</b>	<b>123.893.440</b>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	478.333.460	-
Chi phí bản quyền bộ sách Laros chưa xuất bản	115.093.440	115.093.440
Chi phí mua bản quyền ấn phẩm	5.155.500	8.800.000
<b>Cộng</b>	<b>599.697.399</b>	<b>185.730.440</b>

**10. TÀI SẢN CỔ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
Số đầu năm	1.315.932.400	1.315.932.400
Số cuối năm	1.315.932.400	1.315.932.400
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>		
Số đầu năm	257.547.800	257.547.800
Khấu hao trong năm	201.597.066	201.597.066
Số cuối năm	459.144.866	459.144.866
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Số đầu năm	1.058.384.600	1.058.384.600
Số cuối năm	856.787.534	856.787.534

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 106.350.000 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>405.000</b>	<b>592.547.983</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	-	10.000.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	405.000	522.547.983
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	-	60.000.000
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>744.315.978</b>	<b>3.160.739.318</b>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Viễn thông và In bưu điện	50.000.000	616.000.000
Phải trả nhuận bút các tác giả năm 2021	12.999.301	456.286.301
Phải trả nhuận bút các tác giả năm 2022	305.516.496	-
Công ty Cổ phần In Phúc Yên	300.000.000	805.526.040
Phải trả người bán khác	75.800.181	1.282.926.977
<b>Cộng</b>	<b>744.720.978</b>	<b>3.753.287.301</b>

**12. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Hiệu sách Hoàng Hương	-	67.198.000
Các đối tượng khác	3.800.000	12.166.000
<b>Cộng</b>	<b>3.800.000</b>	<b>79.364.000</b>

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số thực nộp trong năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	16.151.749	722.505.386	890.171.106	183.817.469
Thuế thu nhập doanh nghiệp	268.189.544	468.189.544	362.128.649	162.128.649
Thuế thu nhập cá nhân	87.748.019	227.951.397	273.897.231	133.693.853
Thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>372.089.312</b>	<b>1.420.646.327</b>	<b>1.528.196.986</b>	<b>479.639.971</b>

**14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Phải trả các khoản trích theo lương	85.174.735	58.721.535
<b>Cộng</b>	<b>85.174.735</b>	<b>58.721.535</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	2.950.889.270	15.803.092.681
Lãi trong năm	-	-	-	2.024.665.834	2.024.665.834
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>962.203.411</b>	<b>3.175.555.104</b>	<b>16.027.758.515</b>
Số dư đầu năm nay	10.000.000.000	1.890.000.000	962.203.411	3.175.555.104	16.027.758.515
Lãi trong năm	-	-	-	1.581.271.991	1.581.271.991
Chia cổ tức (*)	-	-	-	(1.400.000.000)	(1.400.000.000)
Trích quỹ (**)	-	-	-	(181.271.991)	(181.271.991)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>1.890.000.000</b>	<b>962.203.411</b>	<b>3.175.555.104</b>	<b>16.027.758.515</b>

**Ghi chú:**

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 số 87/NQ-ĐH-DN ngày 05 tháng 4 năm 2022, chi tiết như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 214.771.730 VND
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021: 500.000.000 VND
- Tỷ lệ chi trả cổ tức bằng tiền mặt năm 2021 là 14%/Vốn điều lệ (một cổ phần nhận 1.400 VND)

(\*\*) Theo Nghị quyết số 23/NQ-HĐQT ngày 07 tháng 02 năm 2023; Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

- Tạm trích Quỹ khen thưởng năm 2022: 50.000.000 VND
- Tạm trích Phúc lợi năm 2022: 131.271.991 VND

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2022**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	2.173.000.000	21,73%	2.173.000.000	21,73%
Trần Thị Thu Hằng	1.530.000.000	15,30%	1.530.000.000	15,30%
Đặng Trần Bảo Tín	1.030.200.000	10,30%	1.030.200.000	10,30%
Phạm Lê Tú Uyên	1.020.000.000	10,20%	1.020.000.000	10,20%
Đặng Hồng Thi	499.800.000	5,00%	499.800.000	5,00%
Các cổ đông khác	3.747.000.000	37,47%	3.747.000.000	37,47%
	<b>10.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

**c) Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.000.000	1.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.000.000	1.000.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND):</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

**16. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**Nợ khó đòi đã xử lý**

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Nguyên nhân</u>
	VND	
Công ty TNHH Thương mại Văn hóa Nam Việt	565.679.294	Khách hàng đã phá sản

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Doanh thu bán sách các loại	20.510.112.323	24.713.378.526
Doanh thu khác	19.541.779.600	14.136.884.530
<b>Cộng</b>	<b><u>40.051.891.923</u></b>	<b><u>38.850.263.056</u></b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn bán sách các loại	14.275.967.246	17.198.572.211
Giá vốn khác	16.918.677.568	11.986.328.989
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(431.231.256)	(77.019.533)
<b>Cộng</b>	<b><u>30.763.413.558</u></b>	<b><u>29.107.881.667</u></b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	115.951.742	112.488.084
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	34.800.000
<b>Cộng</b>	<b><u>115.951.742</u></b>	<b><u>147.288.084</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>a) Chi phí bán hàng</b>		
Chi phí nhân viên	1.012.829.750	1.190.747.168
Chi phí bốc xếp, vận chuyển hàng tiêu thụ	194.399.906	263.675.010
Chi phí thuê kho, cửa hàng	300.000.000	291.600.000
Chi phí khác	38.884.527	147.850.824
<b>Cộng</b>	<b><u>1.546.114.183</u></b>	<b><u>1.893.873.002</u></b>
<b>b) Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>		
Chi phí nhân viên	3.502.175.811	3.848.860.883
Chi phí khấu hao TSCĐ	201.597.066	151.197.800
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.209.434.581	811.948.314
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	18.630.900	(7.126.400)
Chi phí bằng tiền khác	847.905.960	799.008.989
<b>Cộng</b>	<b><u>5.779.744.318</u></b>	<b><u>5.603.889.586</u></b>

**21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	153.129.186	182.203.198
Chi phí nhân công	4.515.005.561	5.039.608.051
Chi phí khấu hao tài sản cố định	201.597.066	151.197.800
Chi phí dự phòng	(412.600.356)	(84.145.933)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.456.753.056	18.029.947.904
Chi phí khác bằng tiền	1.002.912.517	2.326.411.133
<b>Cộng</b>	<b><u>19.916.797.030</u></b>	<b><u>25.645.222.153</u></b>

**22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>2.049.461.535</b>	<b>2.386.352.551</b>
<b>Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>291.486.187</b>	<b>197.124.000</b>
Các khoản chi phí không được khấu trừ	291.486.187	197.124.000
- Chi phí không hợp lệ	104.286.187	131.524.000
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	187.200.000	65.600.000
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>2.340.947.722</b>	<b>2.583.476.551</b>
Thuế suất	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này	-	516.695.310
Thuế TNDN được giảm trừ	-	155.008.593
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b><u>468.189.544</u></b>	<b><u>361.686.717</u></b>

Công ty đang tạm xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp dựa trên chênh lệch giữa thu nhập tính thuế và thu nhập kế toán là 291.486.187 VND. Việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**23. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	1.581.271.991	2.024.665.834
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán	(181.271.991)	(500.000.000)
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (trích quỹ khen thưởng phúc lợi)	181.271.991	500.000.000
Lợi nhuận phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.400.000.000	1.524.665.834
Số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông	1.000.000	1.000.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.400</b>	<b>1.525</b>

**24. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Báo cáo bộ phận chính yếu theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Sách và xuất	Tem công nghệ	Hàng hóa khác	Cộng
	bản phẩm	và bài thi điện tử		
<b>Năm nay</b>				
Doanh thu	20.510.112.323	15.904.894.000	3.636.885.600	<b>40.051.891.923</b>
Giá vốn	13.844.735.990	13.751.087.428	3.167.590.140	<b>30.763.413.558</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>6.665.376.333</b>	<b>2.153.806.572</b>	<b>469.295.460</b>	<b>9.288.478.365</b>
Chi phí không phân bổ				7.325.858.501
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				1.962.619.864
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				115.951.742
Chi phí từ hoạt động tài chính				-
Lãi/(Lỗ) khác				(29.110.071)
Lợi nhuận trước thuế				2.049.461.535
Thuế TNDN hiện hành				468.189.544
Lợi nhuận sau thuế				<b>1.581.271.991</b>
<b>Năm trước</b>				
Doanh thu	23.996.193.856	12.705.225.000	2.148.844.200	<b>38.850.263.056</b>
Giá vốn	16.620.598.753	10.907.494.789	1.579.788.125	<b>29.107.881.667</b>
<b>Kết quả kinh doanh bộ phận</b>	<b>7.375.595.103</b>	<b>1.797.730.211</b>	<b>569.056.075</b>	<b>9.742.381.389</b>
Chi phí không phân bổ				7.497.762.588
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				2.244.618.801
Doanh thu từ hoạt động đầu tư				147.288.084
Chi phí từ hoạt động tài chính				-
Lãi/(Lỗ) khác				(5.554.334)
Lợi nhuận trước thuế				2.386.352.551
Thuế TNDN hiện hành				361.686.717
Lợi nhuận sau thuế				<b>2.024.665.834</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần và phần vốn của chủ sở hữu (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Các khoản vay	-	-
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.929.422.991	2.095.383.859
Nợ thuần	(2.929.422.991)	(2.095.383.859)
Vốn chủ sở hữu	16.027.758.515	16.027.758.515
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền	2.929.422.991	2.095.383.859
Phải thu khách hàng	1.139.630.243	3.912.651.464
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135.665.151	256.232.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.204.718.385</b>	<b>11.264.268.035</b>
<b>Công nợ trả tài chính</b>		
Phải trả người bán	744.720.978	3.753.287.301
<b>Tổng cộng</b>	<b>744.720.978</b>	<b>3.753.287.301</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

***Quản lý rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Các bảng này trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**25. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số cuối năm	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>			
Tiền	2.929.422.991	-	2.929.422.991
Phải thu khách hàng	1.139.630.243	-	1.139.630.243
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	135.665.151	-	135.665.151
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.204.718.385</b>	<b>-</b>	<b>9.204.718.385</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán	744.720.978	-	744.720.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>744.720.978</b>	<b>-</b>	<b>744.720.978</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>8.459.997.407</b>	<b>-</b>	<b>8.459.997.407</b>
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 - 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
Số đầu năm	VND	VND	VND
<b>Tài sản chính</b>			
Tiền	2.095.383.859	-	2.095.383.859
Phải thu khách hàng	3.912.651.464	-	3.912.651.464
Đầu tư tài chính ngắn hạn	5.000.000.000	-	5.000.000.000
Các khoản phải thu khác	256.232.712	-	256.232.712
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.264.268.035</b>	<b>-</b>	<b>11.264.268.035</b>
<b>Công nợ tài chính</b>			
Phải trả người bán	3.753.287.301	-	3.753.287.301
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.753.287.301</b>	<b>-</b>	<b>3.753.287.301</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>7.510.980.734</b>	<b>-</b>	<b>7.510.980.734</b>

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 05, 11; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Bán hàng</b>	<b>27.874.711.938</b>	<b>29.868.253.793</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	144.086.128	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	6.327.000.000	5.008.400.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Đà Nẵng	2.090.000.000	1.760.350.000
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	4.883.750.000	4.009.475.000
Công ty Cổ phần Sách Giáo dục tại Thành phố Hồ Chí Minh	22.167.600	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	28.740.000	-
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Bắc	1.972.804.560	3.191.437.910
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Trung	984.594.800	1.563.285.440
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	7.285.953.647	8.005.596.703
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Miền Nam	2.269.083.250	3.274.291.660
Công ty Cổ phần Sách và Thiết bị Giáo dục Cửu Long	1.047.692.000	1.297.917.080
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục	15.500.953	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Cần Thơ	803.339.000	1.757.500.000
<b>Mua hàng, dịch vụ</b>	<b>1.466.309.876</b>	<b>1.741.571.640</b>
Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	1.000.000	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại Thành phố Hà Nội	1.235.075.426	1.243.126.460
Công ty CP In sách giáo khoa tại Thành phố Hà Nội	201.600.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Xuất bản Giáo dục Hà Nội	23.241.500	-
Công ty Cổ phần Sách Dân tộc	3.313.150	71.383.680
Công ty Cổ phần Mỹ thuật Truyền thông	2.079.800	72.492.000
Công ty Cổ phần Phát hành sách Giáo dục	-	354.569.500



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)**

Thu nhập Ban lãnh đạo được hưởng trong năm như sau:

	Chức danh	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Ông Phạm Quỳnh (*)	Chủ tịch HĐQT	23.265.000	35.000.000
Nguyễn Công Dũng (**)	Chủ tịch HĐQT	45.500.000	-
Ông Doãn Hữu Đoàn (**)	Ủy viên HĐQT	31.500.000	-
Ông Đặng Văn Tuyền (*)	Ủy viên HĐQT	16.320.000	30.600.000
Bà Nguyễn Thị Hữu (**)	Ủy viên HĐQT	31.500.000	-
Bà Đặng Trần Bảo Tín (**)	Ủy viên HĐQT	31.500.000	-
Ông Phạm Gia Trí	Ủy viên HĐQT, Giám đốc	585.408.550	623.236.800
Ông Trần Trọng Tiến (*)	Ủy viên HĐQT, Phó Giám đốc	256.805.400	286.572.400
Bà Trần Thị Phương Lan	Phó Giám đốc	190.036.242	112.117.000
Ông Lê Quang Dũng (*)	Kế toán trưởng	374.221.978	451.249.462
Bà Nguyễn Bích Ngọc (**)	Trưởng Ban kiểm soát	31.500.000	-
Ông Phạm Gia Huân (**)	Thành viên Ban kiểm soát	23.000.000	-
Bà Trần Thị Thủy Thùy (**)	Thành viên Ban kiểm soát	22.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Thu Vân (*)	Trưởng Ban kiểm soát	-	210.578.778
Ông Trần Đình Hoàng (*)	Thành viên Ban kiểm soát	-	12.729.000
Ông Trần Công Thanh (*)	Thành viên Ban kiểm soát	-	33.260.000
<b>Cộng</b>		<b>1.663.057.170</b>	<b>1.795.343.440</b>

Ghi chú:

(\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị đã miễn nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022;

(\*\*) Các thành viên Hội đồng Quản trị đã bổ nhiệm kể từ ngày 05 tháng 4 năm 2022.

**27. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập khác.



Phạm Gia Trí  
Giám đốc  
Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2023

Lê Quang Dũng  
Kế toán trưởng

Lê Quang Dũng  
Người lập biểu

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, tòa nhà Tổng Công ty 319,  
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa,  
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Văn phòng Hồ Chí Minh**

Lầu 11, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ  
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-24 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Văn phòng Đồng Nai**

79 Hà Huy Giáp, P. Quyết Thắng,  
TP. Biên Hòa, T. Đồng Nai  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

**Ha Noi Office**

12A Floor, 319 Corporation Tower  
No. 63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward,  
Cau Giay District, Hanoi City  
Tel: +84-24 3577 0781  
Fax: +84-24 3577 0787  
Email: vacohn@vaco.com.vn  
Website: www.vaco.com.vn

**Ho Chi Minh Office**

11<sup>th</sup> Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street  
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City  
Tel: +84-28 3840 6618  
Fax: +84-24 3840 6616  
Email: vacohcm@vaco.com.vn

**Dong Nai Office**

No. 79 Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,  
Bien Hoa City, Dong Nai Province  
Tel: +84-251 3828 560  
Fax: +84-251 3828 560  
Email: vacodongnai@vaco.com.vn